

CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÙNG KINH TẾ - XÃ HỘI

BÙI NGỌC HIỀN*

Ngày nhận bài: 10/10/2016; ngày sửa chữa: 26/10/2016; ngày duyệt đăng: 07/11/2016.

Abstract: The policy of education development for economic areas issued by the Government aims to promote the development of education, improve the quality of human resources in accordance with areas' resources. Therefore, this policy must be carried out on the real situation of economy in areas with aim to ensure the feasibility and promote the economic development in these areas. The article analyses the roles of education policy for economic areas and points out requirements that education policy needs to meet in current period.

Keywords: Education policy development, economic areas.

1. Chính sách phát triển giáo dục (CSPTGD) vùng kinh tế - xã hội (KT-XH)

Vùng là khái niệm dùng để chỉ "phần đất đai hoặc không gian tương đối rộng, có những đặc điểm nhất định về tự nhiên hoặc xã hội, phân biệt với các khu vực khác ở xung quanh" [1; tr 1436]. Dưới góc độ quản lý nhà nước, vùng là một phần lãnh thổ có những đặc điểm KT-XH riêng, được phân chia để quản lý và phát triển theo mục tiêu của Nhà nước.

Vùng KT-XH là một bộ phận hợp thành nền KT-XH của quốc gia và mỗi vùng KT-XH lại gồm nhiều yếu tố, lĩnh vực, bộ phận cấu thành. Do đó, để phát triển vùng KT-XH cần quan tâm đến đặc điểm này để hoạch định hệ thống chính sách phát triển (CSPT) vùng KT-XH phù hợp. Theo Điều 3 Nghị định số 92/2006/NĐ-CP, vùng KT-XH là "một bộ phận của lãnh thổ quốc gia, gồm một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có các hoạt động KT-XH tương đối độc lập, thực hiện sự phân công lao động xã hội của cả nước. Đây là loại vùng phục vụ việc hoạch định chiến lược và quy hoạch phát triển KT-XH theo lãnh thổ cũng như để quản lý các quá trình phát triển KT-XH trên mỗi vùng của đất nước".

Hiện nay, ở nước ta có 6 vùng KT-XH: trung du - miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ - Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long. Với tư cách là một bộ phận lãnh thổ của quốc gia, được Nhà nước quy hoạch để "phục vụ việc hoạch định chiến lược và quy hoạch phát triển KT-XH cũng như để quản lý các quá trình phát triển KT-XH trên mỗi vùng của đất nước" [2], mỗi vùng KT-XH có những đặc điểm, điều kiện tự nhiên, KT-XH và trình độ phát triển tương đối riêng biệt. Trên cơ sở đó, mỗi vùng KT-XH cần có một hệ thống chính sách riêng để phát triển, trên cơ sở định hướng, chính sách chung của cả nước.

CSPT vùng KT-XH là tổng thể định hướng, mục tiêu, giải pháp cũng như các phương pháp, công cụ mà Nhà nước sử dụng để tác động đến các chủ thể, các quá trình KT-XH nhằm đạt được mục tiêu phát triển vùng KT-XH. CSPT vùng KT-XH là hệ thống CSPT KT-XH của một vùng KT-XH xác định bao gồm: CSPT kinh tế, CSPT xã hội, CSPT văn hóa, CSPTGD... Hệ thống CSPT vùng KT-XH được chia thành hai nhóm: nhóm các CSPT tổng thể vùng (chính sách định hướng chung của Nhà nước về phát triển toàn hệ thống vùng và từng loại vùng KT-XH) và nhóm các chính sách cụ thể phát triển vùng (hướng tới phát triển đối với từng vùng KT-XH cụ thể).

CSPTGD vùng KT-XH là một chính sách bộ phận của hệ thống CSPT của vùng KT-XH, do Nhà nước ban hành nhằm thúc đẩy giáo dục (GD) phát triển đạt được các mục tiêu xác định, góp phần quyết định nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ mục tiêu, yêu cầu phát triển vùng, được thể hiện trong các quyết định quản lý của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

CSPTGD vùng KT-XH bao gồm nhiều chính sách bộ phận hướng đến mục tiêu phát triển GD của vùng như: CSPT đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý GD, chính sách đối với người học, chính sách đầu tư phát triển GD...

2. Vai trò của CSPTGD vùng KT-XH

2.1. CSPTGD giữ vai trò quan trọng trong hệ thống CSPT vùng KT-XH. CSPTGD nằm trong hệ thống CSPT vùng KT-XH, đóng vai trò trung tâm, chi phối CSPT các ngành, lĩnh vực khác. Vai trò trung tâm của CSPTGD xuất phát từ vai trò đặc biệt quan trọng của nguồn lực con người đối với mọi quá trình tồn tại, phát triển của xã hội. Con người là một trong

* Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

các nguồn lực để phát triển (con người, tài chính, khoa học công nghệ...) của mỗi quốc gia, tổ chức, nhưng là nguồn lực quan trọng nhất, chi phối các nguồn lực khác. Đối với mỗi vùng KT-XH, chất lượng nguồn nhân lực luôn là điều kiện tiên quyết để phát triển và để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực không thể không quan tâm phát triển GD. Đồng thời, trong giai đoạn hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa hiện nay, GD còn tạo ra “sức đề kháng” và tăng cường khả năng cạnh tranh của từng địa phương, từng vùng, từng quốc gia. Cố Thủ tướng Singapore Lý Quang Diệu đã từng phát biểu: “Nếu thắng trong cuộc đua GD sẽ thắng trong cuộc đua phát triển kinh tế” trong chuyến thăm Việt Nam năm 2007.

2.2. CSPTGD là chính sách cho tương lai, định hướng phát triển của vùng KT-XH. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người” (tại Hội nghị cán bộ GD toàn quốc ngày 13/9/1958). Câu nói trên của Người hàm ý sâu xa về vai trò của GD và trách nhiệm phát triển GD của Nhà nước. GD luôn phải đi trước, định hướng cho phát triển KT-XH. Cũng trên quan điểm đó, cố Tổng thống Nam Phi Nelson Mandela đã từng nói: “GD là vũ khí tối thượng nhất bạn có thể dùng để thay đổi thế giới”.

Từ thực tiễn, những cải cách GD của Nhật Bản đều xác định khuynh hướng phát triển theo từng giai đoạn, đi từ “hiện đại hóa” đến “dân chủ hóa”, đến “quốc tế hóa” và đến “toàn cầu hóa”. Những khuynh hướng này phù hợp với những giai đoạn phát triển của Nhật Bản từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai đến nay. Singapore thì cải cách theo 4 giai đoạn: GD để tồn tại (1965-1978); GD lấy hiệu quả làm động lực (1979-1996); GD lấy năng lực làm động lực (1997-2005) và GD lấy đổi mới làm động lực (từ năm 2006). Trong giai đoạn “GD lấy đổi mới làm động lực” hiện nay, nền GD Singapore đảm nhận sứ mệnh là xây dựng lớp “công dân toàn cầu” cho đất nước.

Như vậy, CSPTGD đóng vai trò xây dựng mô hình xã hội phát triển trong tương lai trên cơ sở xây dựng những lớp người có phẩm chất, năng lực tương ứng. Nói cách khác, bên cạnh việc đạt được các mục tiêu phát triển GD cụ thể, chính sách GD phải đi trước, định hình xã hội tương lai trên cơ sở hình thành những lớp người với những tiêu chuẩn và phẩm chất phù hợp.

2.3. CSPTGD là chính sách lớn, có tầm ảnh hưởng sâu rộng trong vùng KT-XH. Nếu xét về phạm vi ảnh hưởng thì GD có tầm ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội. Với các loại hình GD chính quy,

GD thường xuyên ở các cấp học và trình độ đào tạo cùng phong trào học tập suốt đời, GD có số lượng người tham gia đông đảo. Hầu hết mọi gia đình đều có người tham gia hoạt động GD. Chính vì vậy, CSPTGD là chính sách lớn, có tầm ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội và luôn được Nhà nước, xã hội đặc biệt quan tâm, đặt ra yêu cầu cao.

2.4. CSPTGD hỗ trợ, tạo điều kiện để thực hiện các chính sách khác. Để thực hiện thành công bất cứ chính sách, kế hoạch phát triển KT-XH nào cũng đều phải cần đến sự tham gia của nguồn lực đặc biệt quan trọng, đóng vai trò quyết định - nguồn lực con người. Mọi chính sách, kế hoạch dù được xây dựng khoa học, chặt chẽ cũng sẽ đều thất bại nếu chất lượng nguồn nhân lực tham gia thực hiện không đảm bảo. Nguồn nhân lực cũng quyết định hiệu quả thực tiễn của từng chính sách. Nguồn nhân lực đủ, có chất lượng sẽ làm cho tiến trình thực hiện chính sách rút ngắn thời gian, đạt hiệu quả. Ngược lại, chất lượng nguồn nhân lực không đảm bảo sẽ làm chậm tiến trình thực hiện chính sách hoặc không thực hiện được chính sách, gây tổn thất, lãng phí lớn cho đất nước. Để xây dựng và phát triển nguồn nhân lực theo yêu cầu phát triển đất nước trong từng giai đoạn, GD đóng vai trò quyết định.

3. Yêu cầu đối với CSPTGD vùng KT-XH

3.1. Hướng tới mục tiêu phát triển chung của vùng. Đây là một yêu cầu quan trọng của bất cứ chính sách nào trong hệ thống CSPT. Mỗi vùng KT-XH trong từng giai đoạn phát triển đều có mục tiêu phát triển chung. Cũng như các chính sách khác trong hệ thống CSPT, CSPTGD vùng KT-XH phải thống nhất và phục vụ mục tiêu phát triển chung của vùng trong từng giai đoạn nhất định. Mục tiêu của CSPTGD vùng KT-XH không thể tách rời mục tiêu phát triển chung của vùng. Do đó, mục tiêu của CSPTGD phải cụ thể, rõ ràng, khả thi, đồng thời phải thống nhất và hướng tới phục vụ mục tiêu phát triển chung của vùng KT-XH.

3.2. Phù hợp với tình hình thực tế của GD. Tính phù hợp với điều kiện thực tế là yêu cầu đối với mọi chính sách, nó đảm bảo cho chính sách dễ dàng đi vào đời sống xã hội, có tính khả thi cao và đạt được các mục tiêu đã đề ra. Một chính sách ra đời phải xuất phát từ tình hình thực tế, để giải quyết những vấn đề của thực tế nên chính sách phải phù hợp với điều kiện cụ thể của thực tế để đáp ứng yêu cầu bức xúc của đời sống xã hội, đồng thời không làm phát sinh hoặc hạn chế được những vấn đề mâu thuẫn với mục tiêu. Tính phù hợp của CSPTGD vùng KT-XH thể hiện trên

các khía cạnh: phù hợp với trình độ phát triển KT-XH, phù hợp với điều kiện thực tế của GD, phù hợp với điều kiện của đối tượng chính sách... trong vùng KT-XH. Để đảm bảo yêu cầu này, CSPTGD vùng KT-XH phải được xây dựng trên cơ sở phân tích tình hình thực tế một cách khoa học và toàn diện.

3.3. Có tính khả thi cao. Đây là một trong những yêu cầu quan trọng đảm bảo đạt được mục tiêu của chính sách. Tính khả thi của chính sách được xem xét trên nhiều phương diện từ việc xác định đúng các nguyên nhân làm xuất hiện các vấn đề chính sách đến việc lựa chọn thời điểm ban hành thích hợp. Khi ban hành chính sách, Nhà nước cần phân tích đầy đủ quá trình vận động của các yếu tố có liên quan, xác định đúng nguyên nhân dẫn đến hiện tượng để đề ra mục tiêu, biện pháp chính sách một cách khoa học, khả thi. Đối với CSPTGD vùng KT-XH, tính khả thi của chính sách thể hiện trên các khía cạnh: mối quan hệ thống nhất, nhân quả giữa mục tiêu và biện pháp của chính sách; sự phù hợp của chính sách đối với thực trạng GD; sự phù hợp của chính sách đối với năng lực tổ chức thực thi chính sách của các cơ quan nhà nước và với năng lực thực tế của đối tượng chính sách...

3.4. Thống nhất với các chính sách khác trong hệ thống CSPT KT-XH. CSPTGD vùng KT-XH nằm trong hệ thống CSPT của vùng KT-XH nên nó phải thống nhất với các chính sách khác. Tính thống nhất thể hiện trong mục tiêu và biện pháp của chính sách. Về mục tiêu, như đã đề cập, mục tiêu của CSPTGD phải phục vụ mục tiêu phát triển chung của vùng, đồng thời là cơ sở, điều kiện để thực hiện mục tiêu của các chính sách khác. Hệ thống biện pháp của chính sách GD phải thống nhất, có thể "tích hợp" với hệ thống chính sách của các chính sách trong hệ thống CSPT chung của vùng để nâng cao tính hiệu quả thực thi của chính sách; tính đồng bộ trong thực thi của toàn hệ thống chính sách, và đặc biệt, để tiết kiệm nguồn lực phát triển chung.

3.5. Mang lại hiệu quả cho đời sống xã hội. Mục tiêu của toàn bộ hoạt động quản lý nhà nước cũng như của từng chính sách là vì cuộc sống của nhân dân. Hơn nữa, người thực hiện mục tiêu chính sách cũng chính là nhân dân, nếu mục tiêu chính sách thống nhất với nguyện vọng của nhân dân sẽ thu hút được đông đảo Nhân dân tham gia vào quá trình chính sách một cách tự giác, tạo nên động lực để thực hiện các mục tiêu phát triển chung, mang lại hiệu quả trong đời sống xã hội. Do đó, CSPTGD vùng KT-XH phải thể hiện sự thống nhất giữa ý chí, mục tiêu phát

triển GD của Đảng, Nhà nước với mong muốn, nguyện vọng nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài của nhân dân. Đồng thời, CSPTGD vùng KT-XH phải được tổ chức thực thi đồng bộ trên thực tiễn, đi vào đời sống xã hội và mang lại hiệu quả trên thực tiễn.

4. Yêu cầu trong hoạch định CSPTGD vùng KT-XH

Hoạch định CSPTGD vùng KT-XH là quá trình xây dựng và ban hành chính sách, bao gồm việc xác định mục tiêu và hệ thống các giải pháp cần thực hiện để đạt được mục tiêu phát triển GD của vùng KT-XH. Để cho ra đời một CSPTGD vùng KT-XH đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trên và mang lại hiệu quả thiết thực trên thực tiễn, quá trình hoạch định chính sách cần đáp ứng các yêu cầu:

4.1. Hoạch định CSPTGD vùng KT-XH cần căn cứ vào định hướng, mục tiêu của Đảng, Nhà nước về phát triển vùng KT-XH, về phát triển GD và các mục tiêu khác có liên quan. Đồng thời, cần căn cứ vào hệ thống chính sách, pháp luật về GD; thực trạng GD của vùng cũng như năng lực tổ chức thực thi chính sách của chính quyền các địa phương trong vùng.

4.2. Trong quá trình hoạch định CSPTGD vùng KT-XH, cần tuân thủ các nguyên tắc trong hoạch định chính sách công và phát huy vai trò tham vấn của các chủ thể có liên quan để vừa đảm bảo tính khoa học, vừa đảm bảo tính thực tiễn và sự thống nhất "định hướng của Đảng, mục tiêu của Nhà nước, nguyện vọng của nhân dân" trong nội dung chính sách.

4.3. Thực hiện quy trình hoạch định CSPTGD vùng KT-XH: 1) Phân tích bối cảnh và nhận diện vấn đề chính sách; 2) Hình thành ý tưởng chính sách và đưa ra các phương án giải quyết vấn đề chính sách; 3) Lựa chọn phương án chính sách; 4) Đánh giá tác động của chính sách; 5) Thẩm định, thông qua chính sách; 6) Quyết định và ban hành chính sách.

4.4. Vận dụng kinh nghiệm phát triển GD vùng của một số nước trên thế giới để hoạch định CSPTGD vùng KT-XH, đặc biệt là các vùng khó khăn, vùng có chỉ số phát triển GD thấp so với mặt bằng chung cả nước như: vùng Tây Bắc, vùng Tây Nguyên, vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Những kinh nghiệm có thể vận dụng như: ưu tiên phát triển GD các vùng khó khăn, thực hiện công bằng GD, xây dựng xã hội học tập, phân định trách nhiệm của Nhà nước và xã hội trong phát triển GD...

* * *

(Xem tiếp trang 18)

- Cơ sở vật chất trang thiết bị còn thiếu nhiều: Tỷ lệ trường, lớp học tạm còn cao ở nhiều địa phương như: Lai Châu 35%, Sơn La 33,2%, Bắc Kạn 13%... Nhà nội trú cho HS, khu nấu ăn, khu vệ sinh ở các trường vùng sâu, vùng xa hầu như chưa có; đa số các trường thiếu phòng học bộ môn, thư viện, y tế. Cơ sở vật chất các trường PTDTNT chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển như: phòng học của giáo viên, HS còn rất chật; nhiều trường thiếu phòng thí nghiệm, phòng bộ môn, nhà đa chức năng; các thiết bị bên trong, phương tiện dạy học còn thiếu và không đồng bộ. Số trường đạt chuẩn quốc gia còn quá ít...

* * *

Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm xây dựng đội ngũ trí thức người DTTS tăng nhanh về số lượng và nâng dần về chất lượng. Bằng các giải pháp và việc làm cụ thể, các địa phương thuộc vùng Tây Bắc đã có nhiều nỗ lực và đã có đạt nhiều kết quả tốt trong việc tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, sử dụng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức người DTTS. Đội ngũ trí thức người DTTS đã từng bước khẳng định được vai trò, vị trí, trách nhiệm trên các nhiệm vụ công tác được giao, góp phần quan trọng vào việc thực hiện

nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Tuy nhiên, có thể thấy, đội ngũ trí thức người DTTS cả về số lượng và chất lượng chưa đáp ứng kịp yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước của vùng Tây Bắc. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban dân vận Trung ương (2016). *Hội nghị tổng kết 05 năm thực hiện chương trình phối hợp công tác dân vận ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số (giai đoạn 2011-2015) và kí kết chương trình phối hợp công tác (giai đoạn 2016-2020)*. Hà Nội, ngày 17/08/2016.
- [2] Báo cáo về phát triển đội ngũ trí thức người dân tộc thiểu số của Tỉnh ủy các tỉnh: Cao Bằng, Sơn La, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Hòa Bình, Hà Giang, Điện Biên, Tuyên Quang, Lai Châu năm 2015.
- [3] Bộ GD-ĐT (2005). *Đổi mới phương thức đào tạo ở trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh đáp ứng nhu cầu đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số trong giai đoạn hiện nay*. Đề tài cấp Bộ, mã số B2003-49-58.
- [4] Mai Công Khanh (2009). *Quản lý dạy học ở trường dự bị đại học dân tộc theo yêu cầu tạo nguồn đào tạo cán bộ cho miền núi hiện nay*. Luận án tiến sĩ Giáo dục học. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [5] Bộ GD-ĐT (2008). *Hội nghị Giáo dục dân tộc toàn quốc ngày 18/4/2008*.

Khái quát về nghiên cứu...

(Tiếp theo trang 14)

- [5] Bộ GD-ĐT (2016). *Quy chế xét tặng giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học”* ban hành theo Thông tư số 18/2016/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT.
- [6] Vũ Kim Dũng (2013). *Gắn đào tạo với hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên - Kinh nghiệm của Khoa Kinh tế học, Trường Đại học Kinh tế quốc dân*. Kỷ yếu hội thảo Tăng cường gắn kết đào tạo và nghiên cứu khoa học với thực tiễn. NXB Lao Động, Hà Nội, tr 196-200.
- [7] Tạ Thái Hoàng (2014). *Thực trạng hoạt động nghiên cứu khoa học trong sinh viên Trường Đại học Ngoại thương những năm qua*. Kỷ yếu hội nghị khoa học sinh viên 2014, Trường Đại học Ngoại thương, tr 53-60.
- [8] Chu Thị Hào (2013). *Thực trạng hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của các trường đại học trong việc đáp ứng yêu cầu thực tiễn ở Việt Nam*. Kỷ yếu hội thảo Tăng cường gắn kết đào tạo và nghiên cứu khoa học với thực tiễn. NXB Lao động, Hà Nội, tr 53-61.

Chính sách phát triển giáo dục...

(Tiếp theo trang 21)

CSPTGD vùng KTXH do Nhà nước ban hành nhằm thúc đẩy GD phát triển, góp phần quyết định nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ mục tiêu, yêu cầu phát triển vùng, đóng vai trò trung tâm, chi phối quá trình thực thi các chính sách khác trong hệ thống CSPT vùng KT-XH. Do đó, việc hoạch định CSPTGD vùng KT-XH cần được thực hiện một cách khoa học để đảm bảo tính khả thi của chính sách trên thực tiễn, góp phần thúc đẩy sự phát triển chung của từng vùng KT-XH và cả nước. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Hoàng Phê (2012). *Từ điển Tiếng Việt*. NXB Hồng Đức.
- [2] Chính phủ (2006). *Nghị định số 92/2006/NĐ-CP về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội*.
- [3] Nguyễn Tiến Dũng (2009). *Kinh tế và chính sách phát triển vùng*. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
- [4] Nguyễn Hữu Hải (2014). *Chính sách công - Những vấn đề cơ bản*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [5] Trần Quốc Toàn (chủ biên) - Đặng Ứng Vận - Đặng Bá Lãm - Trần Thị Bích Liễu (2012). *Phát triển giáo dục trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.